

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2019/DS-ST**
Ngày: 12-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T-nđ, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp MĐ A, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Phạm Quốc D-bđ1 và vợ là bà Nguyễn Kim A-bđ2. Địa chỉ: ấp MĐ A, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23-11-2018, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T-nđ trình bày và yêu cầu như sau: bà T-nđ là chủ hui, vợ chồng bà A-bđ2 là hui viên có tham gia chơi hui, đã hốt hui nhưng không đóng hui chết nên

bà T-nđ yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ thể: dây hụi áp ngày 05-9-2014al, 1 tháng khui hụi 1 lần; dây hụi gồm 27 chân hụi, mỗi chân hụi (phần hụi) là 1.000.000đ. Vợ chồng bà A-bđ2 tham gia chơi 1 chân hụi trong dây hụi này. Đến lần khui hụi thứ 8 (vào ngày 05-4-2015al) vợ chồng bà A-bđ2 hốt hụi được tổng số tiền là 17.000.000đ (bà A-bđ2 kêu hụi 400.000đ). Bà T-nđ đã giao đủ tiền hụi cho bà A-bđ2 là 17.000.000đ (Khi giao không có làm biên nhận). Sau khi hốt hụi bà A-bđ2 đóng lại được 5 lần (đến tháng 9-2015al) và nghỉ đóng nên còn lại 14 lần hụi chết chưa đóng bằng 14.000.000đ. Hụi đã mãn vào ngày 05-11-2016al. Các lần hụi chết bà A-bđ2 không đóng hụi thì bà T-nđ đã xuất tiền ra để trả cho các hụi viên được hốt hụi.

Ngoài ra bà A-bđ2 còn thiếu tiền hụi cũ là 1.000.000đ.

Bà A-bđ2 là người đứng thứ tự số 12 trong danh sách hụi mà bà T-nđ nộp cho Tòa án. Lý do bà T-nđ không nộp cho Tòa án danh sách hụi bản gốc được vì tờ này ghi trong sổ hụi của bà T-nđ và có liên quan đến các dây hụi khác.

Đến khoảng tháng 7 năm 2018al, Phạm Nguyễn A-lq là con bà A-bđ2, ông D-bđ1 có đứng ra hứa trả cho bà T-nđ mỗi tháng 1.000.000đ, có làm biên nhận. Nhưng sau đó vẫn không trả. Do đó, bà T-nđ không yêu cầu con bà A-bđ2 (Phạm Nguyễn A-lq) trả mà yêu cầu vợ chồng bà A-bđ2 trả nợ cho bà.

Bà T-nđ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà A-bđ2, ông D-bđ1 phải trả lại số tiền hụi còn nợ là 15.000.000đ.

Tại biên ban lấy lời khai ngày 14-10-2019, bị đơn bà Nguyễn Kim A-bđ2 trình bày: Bà A-bđ2 xác định bà có tên trong danh sách hụi do bà T-nđ làm chủ nhưng tiền hụi là của con bà là Phạm Nguyễn A-lq đứng ra chơi hụi. Bà A-bđ2 thừa nhận còn nợ bà T-nđ 1.000.000đ tiền hụi và có trả nhưng bà T-nđ không nhận. Bà A-bđ2 đồng ý trả 1.000.000đ cho bà T-nđ, còn 14.000.000đ là tiền con bà nợ nên bà không đồng ý trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-9-2019, anh Phạm Nguyễn A-lq trình bày: Thừa nhận số tiền nợ hụi là nợ của anh nhưng tên trong danh sách hụi là tên bà A-bđ2, ông D-bđ1 (cha, mẹ anh). Thừa nhận anh có làm biên nhận nợ cho bà T-nđ với tổng số nợ là 15.000.000đ. Anh Phạm Nguyễn A-lq đồng ý trả cho bà T-nđ tổng số tiền là 15.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà T-nd: Yêu cầu bà A-bđ2, ông D-bđ1 trả số tiền hui còn nợ là 15.000.000đ; không yêu cầu con bà A-bđ2 (Nguyễn Anh) trả nợ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định (vắng mặt khi tổ chức hòa giải và xét xử) của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà A-bđ2, ông D-bđ1 trả cho bà T-nd tổng số tiền hui là 15.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp hui nên quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui.

[2] Bị đơn bà A-bđ2 có trình bày số tiền chơi hui là của con bà, bà chỉ đứng tên; anh Phạm Nguyễn A-lq (con bà A-bđ2) cũng thừa nhận và đồng ý trả. Tuy nhiên, do bà A-bđ2 là người đứng tên và giao dịch hui; nguyên đơn chỉ khởi kiện bà A-bđ2, không yêu cầu anh Nguyễn A-lq trả nợ nên HĐXX không đưa anh Phạm Nguyễn A-lq tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông D-bđ1, bà A-bđ2 đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông D-bđ1, bà A-bđ2 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D-bđ1, bà A-bđ2.

[4] Về nội dung vụ án cho thấy: bà A-bđ2 và ông D-bđ1 đã tham gia chơi hui do bà T-nd là chủ hui. Quá trình chơi hui bà A-bđ2 đã hót hui và còn nợ tiền góp

hụi. Gồm nợ cũ là 1.000.000đ và nợ tiền hụi của dây hụi áp ngày 05-9-2014al là 14.000.000đ. Đối với dây hụi ngày 05-9-2014al, bà A-bđ2 thừa nhận tên bà trong danh sách nhưng là tiền của con bà nên để con bà trả. Tuy nhiên, bà A-bđ2 là người đứng tên và trực tiếp giao dịch với chủ hụi nên được xác định là hụi viên; còn đối với con bà A-bđ2 (là Phạm Nguyễn A-lq), nếu có nhờ bà chơi hụi dùm thì là quan hệ giữa bà A-bđ2 và con bà. Anh Nguyễn A-lq có ý kiến đứng ra trả nợ nhưng bà T-nđ chỉ yêu cầu bà A-bđ2, ông D-bđ1 trả nợ. Do đó, bà A-bđ2, ông D-bđ1 phải có trách nhiệm góp số tiền hụi còn lại cho bà T-nđ theo đúng quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005 (luật có hiệu lực điều chỉnh tại thời điểm giao dịch). Vì vậy, khởi kiện của bà T-nđ là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

+ Bị đơn bà A-bđ2, ông D-bđ1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: $15.000.000đ \times 5\% = 750.000đ$;

+ Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bà Nguyễn Kim A-bđ2 và chồng là ông Phạm Quốc D-bđ1 trả cho bà Nguyễn Thanh T-nđ tổng số tiền hụi còn nợ là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T-nd nếu bà A-bđ2, ông D-bđ1 không trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi cho bà T-nd theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Kim A-bđ2, ông Phạm Quốc D-bđ1 cùng chịu 750.000đ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T-nd được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ tại biên lai số 0006214 ngày 25-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Bà T-nd có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-11-2019).

Đương sự vắng mặt (ông D-bđ1, bà A-bđ2) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công